TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẬU LỘC **Tỉnh Thanh Hóa**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **15**/2022/QĐST-DS	*Hậu Lộc, ngày 22 tháng 3 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 3 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 14 tháng 3 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 07/2021/TLST-DS ngày 16 tháng 02 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ Việt Nam.

Địa chỉ: Số 22 N, phường T, quận H, TP Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Mai Xuân T - Chức vụ: Giám đốc khối quản lý và tái cấu trúc tài sản Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam.

Người được uỷ quyền : Ông Lương Viết T - Chức vụ: Chuyên viên tố tụng, phòng quản lý khách cá nhân miền Bắc – Khối quản lý và tái cấu trúc tài sản –PVcomBanhk

Theo giấy ủy quyền số 22433/UQ-PVB ngày 16/11/2020 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ Việt Nam.

Địa chỉ: Số 22 N, phường T, quận H, TP Hà Nội.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1957

Bà Phạm Thị T, sinh năm 1957.(Bà T uỷ quyền cho ông K theo giấy uỷ quyền ngày 09/3/2022).

Đều có địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hoá.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ: Tính đến ngày 14/3/2022 ông Nguyễn Văn K và bà Phạm Thị T còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ Việt Nam tổng số tiền là**:** 650.835.168 đồng (*Sáu trăm năm mươi triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn một trăm sáu tám đồng),* trong đó nợ gốc: 460.053.510 đồng, lãi trong hạn 125.653.075 đồng, lãi quá hạn 65.128.583 đồng.

2.2. Về thời hạn, phương thức và số tiền trả nợ: Các bên thống nhất thỏa thuận:

Chậm nhất đến ngày 20/7/2022 ông K, bà T phải thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ Việt Nam.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày thỏa thuận (ngày 15/3/2022) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền gốc còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp ông Nguyễn Văn K và bà Phạm Thị T không trả nợ toàn bộ số tiền đã thỏa thuận trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp để thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam và các khoản chi phí phát sinh.

Tài sản thế chấp của ông Nguyễn Văn K và bà Phạm Thị T theo biên bản xem xét, thẩm định ngày 10/3/2022 gồm:

- Quyền sử dụng đất: Tại thửa số 283, tờ bản đồ số 05 với diện tích 232m^{2,} theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB356147 do UBND huyện H cấp ngày 21/4/2016 cho ông Nguyễn Văn K và bà Phạm Thị T. Theo hồ sơ thửa đất có các cạnh: Phía Nam giáp đường thôn có số đo 10,13m, phía Bắc giáp hộ ông Nguyễn Văn H thửa số 245 số đo 11,62m, phía Tây giáp ngõ đi chung số đo 21,20m, phía Đông giáp hộ ông Phạm Văn T thửa số 283a số đo 21,36m.

Qua đo đạc thực tế có tứ cạnh như sau: Phía Nam giáp đường thôn có số đo 8,9m, phía Bắc giáp hộ ông Nguyễn Văn H thửa số 245 số đo 10m, phía Tây giáp ngõ đi chung số đo 21,45m, phía Đông giáp hộ ông Phạm Văn thửa số 283a số đo 21,75m.

- Về nhà ở: 01 nhà ở cấp bốn tường xây gạch, cột bê tông, mái bằng xây dựng năm 2017, diện tích xây dựng 205m^2 và toàn bộ công trình phụ, sân lợp tôn do ông Nguyễn Văn K và bà Phạm Thị T đang sử dụng.

Nếu tài sản thế chấp kê biên phát mại không đủ để thanh toán khoản nợ thì ông Nguyễn Văn K và bà Phạm Thị T vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ bằng các tài sản khác của ông K và bà T cho đến khi thanh toán hết khoản nợ vay theo Hợp đồng tín dụng.

Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số CN53/2018/HĐBĐ-PVBTH ngày 22/02/2018 được công chứng tại Văn phòng

Công chứng Lại Văn Thạnh, số công chứng 1663 quyển số 01/2018/TP/CC-SCC/HĐGD.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn K và bà Phạm Thị T thuộc hộ cận nghèo nên được miễn án phí. Đối với phần án phí của Ngân hàng ông K, bà T tự nguyện nộp thay là 7.508.351 đồng (Bảy triệu năm trăm linh tám nghìn, ba trăm năm mốt đồng).

Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.353.000 đồng (Mười bốn triệu ba trăm năm mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0008810 ngày 16/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

4. *Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Thanh Hóa;*
- *VKSND tỉnh Thanh Hoá*
- *VKSND huyện Hậu Lộc;*
- *Chi cục THADS huyện H;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Cao Thị Nga